TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HIỆP HÒA** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2021/DS-ST
Ngày: 07 tháng 9 năm 2021
V/v *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA,TỈNH BẮC GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Chuyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Trứ

2. Ông Nguyễn Xuân Hoàng

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Ngọc Mai- Thư ký Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa: Ông Ngô Đức Nghiêm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 9 năm 2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 24/2021/TLST-DS ngày 04/3/2021 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2021/QĐXXST-DS ngày 22/6/2021, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 12/2021/QĐST- DS ngày 12/7/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2021/QĐST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2021, Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 45/TB-TA ngày 25/8/2021 giữa:

- Nguyên đơn: Ông Ngô Văn Th, sinh năm 1966. Nơi cư trú: Thôn LV, xã BL, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Bình Y, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1965. Đều cư trú: Thôn LV, xã BL, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.(Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:Bà Đào Thị T, sinh năm 1971. Nơi cư trú: Thôn LV, xã BL, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ghi ngày 24/02/2021, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ ánvà tại phiên tòa thì nguyên đơn ông Ngô Văn Th trình bày:Giữa gia đình ông với gia đình ông Nguyễn Bình Y có quan hệ họ hàng. Gia đình ông Y nhiều lần vay tiền của vợ chồng ông, mục đích để làm ăn kinh tế. Ngày 14/01/2021 (tức 02/12/2020 âm lịch) vợ chồng ông với vợ chồng ông Nguyễn Bình Y bà Nguyễn Thị L có chốt số tiền vay là 1.705.820.000 đồng. Ông Y và bà L đứng ra

ký nhận giấy biên nhận vay tiền và nhận trách nhiệm trả khoản nợ này. Ông Y là người viết giấy biên nhận vay tiền.Ông Y và bà L cùng viết và ký tên dưới mục người vay tiền. Khoản vay có thỏa thuận tiền lãi với lãi suất là 1,3%/tháng. Các bên thỏa thuận thời hạn trả là 01 tháng sau ngày chốt nợ 14/01/2021, nhưng thỏa thuận bên ngoài không ghi vào giấy vay tiền. Sau ngày chốt nợ thì gia đình ông Y bà L có trả cho ông 10.000.000 đồng tiền lãi. Khoản vay đã quá hạn,nhiều lần ông đòi nợ nhưng ông Y, bà L không trả nợ cho vợ chồng ông. Nay ông yêu cầu ông Y và bà L trả cho vợ chồng ông số tiền gốc là 1.705.820.000 đồng và số tiền lãi theo mức lãi suất là 1,3%/tháng, thời gian tính lãi kể từ ngày 14/01/2021 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là 07 tháng 23 ngày nhưng ông chỉ yêu cầu ông Y bà L trả tiền lãi trong thời gian là 07 tháng là 155.229.000 đồng, trừ đi 10.000.000 đồng mà gia đình ông Y đã trả thì tiền lãi còn phải trả là 145.229.000 đồng.Khi nộp đơn khởi kiện tại Tòa án thì ông yêu cầu cả anh Nguyễn Th Kh là con trai của ông Y và bà L cùng có nghĩa vụ trả nợ với ông Y và bà L. Nhưng nay ông xác định anh Kh không ký vào giấy biên nhận vay tiền. Ông Y và bà L đã nhận trách nhiệm trả nợ cho vợ chồng ông nên ông xác định anh Kh không còn liên quan gì đến khoản nợ này. Ông đề nghị Tòa án không đưa anh Nguyễn Th Kh vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.Sau khi xét xử sơ thẩm thì ông yêu cầu vợ chồng ông Y và bà L trả tiền lãi chậm thi hànhán theo quy định của pháp luật.

* Bị đơn ông Nguyễn Bình Y trình bày:Giữa gia đình ông với gia đình ông Th có quan hệ họ hàng. Đã nhiều lần gia đình ông vay tiền của ông Th để làm ăn kinh tế. Đến ngày 02/12/2020 âm lịch, ông trực tiếp viết giấy biên nhận vay tiền chốt nợ với ông Th với tổng số tiền vay là 1.705.820.000 đồng. Lãi suất thỏa thuận là 1,3%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả tiền, khi nào thu xếp được thì trả cho ông Th. Ông và bà L cùng ký và ghi rõ họ tên dưới mục người vay tiền của giấy biên nhận vay tiền. Từ khi chốt nợ thì gia đình ông chưa thu xếp được tiền để trả cho ông Th. Việc con trai ông là anh Kh đã trả cho ông Th số tiền 10.000.000 đồng và trả khi nào thì ông không nắm được. Về mặt pháp lý thì ông và bà L đứng ra vay tiền và chịu trách nhiệm trả khoản nợ này cho vợ chồng ông Th, còn nội bộ gia đình ông thì anh Nguyễn Th Kh là con trai có trách nhiệm thu xếp tiền để ông bà trả cho ông Th. Nay ông Th yêu cầu ông trả số tiền gốc 1.705.820.000 đồng và số tiền lãi 145.229.000 đồng thì ông đồng ý. Vì ông là người cao tuổi nên ông đề nghị được miễn tiền án phí DSST. Ngoài ra ông không có ý kiến và không có yêu cầu gì.

* Bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà nhất trí với quan điểm, ý kiến của chồng bà là ông Nguyễn Bình Y. Bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Th. Bà không bổ sung gì thêm.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đào Thị T trình bày: Bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Th đối với ông Y bà L. Bà không bổ sung gì thêm.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào Điều 26; Điều 35; khoản 3 Điều 144; Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Buộc ông Nguyễn Bình Y và bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Ngô Văn Th và bà Đào Thị T tổng số tiền là 1.851.049.000 đồng. Trong đó tiền gốc là 1.705.820.000 đồng và tiền lãi 145.229.000 đồng.

2. Án phí:

- Miễn tiền án phí dân sự cho ông Nguyễn Bình Y.

- Bà Nguyễn Thị L phải chịu 33.765.735 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả ông Ngô Văn Th số tiền tạm ứng án phí 32.250.000 đồng đã nộp theo biên lai số AA/2017/0000701 ngày 03/3/2021 tại chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự đượcquyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Ngô Văn Th yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Bình Y, bà Nguyễn Thị L trả số tiền vay là 1.705.820.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 1,3%/tháng kể từ ngày vay 02/12/2020đến khi xét xử sơ thẩm, các bên có giao kết bằng văn bản nên xác định đây là hợp đồng vay tài sản (theo điều 463- Bộ luật dân sự). Khi có tranh chấp nguyên đơn yêu cầu Toà án giải quyết, xác định đây là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".Quan hệ giữa các bên là quan hệ dân sự giữa cá nhân với cá nhân, bị đơn cư trú ở địa bàn huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 26; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

-Ông Th yêu cầu ông Y và bà L trả số tiền gốc 1.705.820.000 đồng thì thấy: Theo lời trình bày của các đương và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì xác định có việc ông Y và bà L vay của ông vợ chồng ông Th bà Tám số tiền 1.705.820.000 đồng. Ông Y và bà L đồng ý trả số tiền này theo yêu cầu của ông Th. Do vậy, xác

định yêu cầu ông Y bà L trả số tiền gốc 1.705.820.000 đồng của ông ông Th bà Tám là có căn cứ và cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự.

- Ông Th yêu cầu ông Y bà L trả số tiền lãi từ khi vay 14/01/2021 (tức 02/12/2020 âm lịch) đến khi xét xử sơ thẩm (07/9/2021) là 07 tháng 23 ngày nhưng ông Th chỉ yêu cầu trả tiền lãi trong thời gian 07 tháng là 155.229.000đồng, trừ đi số tiền 10.000.000 đồng mà gia đình ông Y đã trả thì tiền lãi còn phải trả là 145.229.000 đồng. Theo lời trình bày của các đương sự và tài liệu có trong hồ sơ thì các bên thỏa thuận lãi suất là 1,3%/tháng. Ông Y bà L đồng ý trả tiền lãi theo yêu cầu của ông Th. Do vậy, ông Th và bà Tám yêu cầu ông Y và bà L trả số tiền lãi 145.229.000 đồng là có căn cứ và cần được chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 144 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Và Nghị quyết số326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Buộc ông Y và bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, do ông Y là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Bà L phải chịu 33.765.735 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả ông Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Theo đơn khởi kiện thì ông Th yêu cầu anh Nguyễn Th Kh cùng có nghĩa vụ trả nợ với ông Y và bà L và xác định anh Kh là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì ông Th thay đổi yêu cầu, cụ thể là ông Th không yêu cầu anh Kh cùng có nghĩa vụ trả nợ với ông Y và bà L vì xác định đây là khoản nợ của vợ chồng ông Y và bà L, không liên quan gì đến anh Kh. Ông Y và bà L cũng xác định đây là công nợ của vợ chồng ông. Hội đồng xét xử xét thấy việc giải quyết vụ án không ảnh hưởng đến quyền lợi và nghĩa vụ của anh Kh, do vậy không đưa anh Kh vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và không tiến hành tố tụng với anh Kh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; Điều 35; khoản 3 Điều 144; Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 củaBộ luật tố tụng dân sự. Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1.Buộc ông Nguyễn Bình Y và bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Ngô Văn Th và bà Đào Thị T tổng số tiền là 1.851.049.000 đồng. Trong đó tiền gốc là1.705.820.000 đồng và tiền lãi 145.229.000 đồng.

2. Án phí:

- Miễn tiền án phí dân sự cho ông Nguyễn Bình Y.

- Bà Nguyễn Thị L phải chịu 33.765.735đồngán phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả ông Ngô Văn Th số tiền tạm ứng án phí 32.250.000 đồng đã nộp theo biên lai số AA/2017/0000701 ngày 03/3/2021 tại chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

3.Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án:Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- Chi cục THADS huyện Hiệp Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Phạm Thị Chuyền